

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HC-ST

Ngày 24-5-2022

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp bồi thường, hỗ trợ tài
sản trên đất và giải quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

2. Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 56/2019/TLST-HC ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất và giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HC ngày 17 tháng 12 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2022/TB-TA ngày 15 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HC ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trương Thị Cẩm H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số x, tổ y, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa các ngày 18 và 24/5/2022.

2. *Người bị kiện:*

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

2.2 Ủy ban nhân dân huyện B;

Cùng địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Thái Thanh B, chức vụ:

Chủ tịch UBND huyện B, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Huỳnh Thanh C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số x, tổ y, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa các ngày 18 và 24/5/2022.

3.2 Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1999; địa chỉ: Số x, tổ y, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa ngày 18/5/2022, vắng mặt ngày tuyên án 24/5/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:***

Bà Trương Thị Cẩm H là chủ sử dụng căn nhà thuộc một phần diện tích 478m² thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại số x, tổ y, ấp M, xã B, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 340158, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01185/QSDĐ/TU do UBND huyện T cấp ngày 14/7/2000. Căn nhà này nằm trên đoạn đường từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh thuộc phạm vi thu hồi và được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhà đất theo quy định pháp luật.

Ngày 13/3/2015, UBND huyện B ban hành Kế hoạch số 497/KH-UBND thực hiện công tác giải tỏa mặt bằng để thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh).

Ngày 17/3/2015, bà Trương Thị Cẩm H nhận được thư mời của Chủ tịch UBND xã B về việc thực hiện công tác giải tỏa mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh).

Ngày 19/3/2015, tại UBND xã B, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B phối hợp cùng đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã B triển khai Kế hoạch số 497/KH-UBND đến 69 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng của công trình. Bà Trương Thị Cẩm H có tham dự buổi họp theo giấy mời.

Sau đó, trong khi các hộ xung quanh nhà bà Trương Thị Cẩm H đều được nhận bảng áp giá bồi thường và quyết định bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất căn cứ theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND thì gia đình bà Trương Thị Cẩm H không nhận được bất kỳ văn bản, quyết định nào cũng như không nhận được bất cứ khoản bồi thường nào đối với phần diện tích và tài sản bị thu hồi.

Ngày 30/12/2015, ngày 13/01/2016 và ngày 25/01/2016, bà Trương Thị Cẩm H đã nhiều lần đến UBND xã B để hỏi về vấn đề này nhưng không nhận được câu trả lời nào từ Chủ tịch UBND xã B. Sau ngày 13/01/2016, đội thi công đường ĐT 747a gồm nhiều người cùng các phương tiện xe, dụng cụ đã vào nhà

bà Trương Thị Cẩm H cưỡng chế thi công và san lấp mặt bằng thuộc đất của bà Trương Thị Cẩm H để thi công công trình với diện tích thu hồi là 130m².

Ngày 16/3/2016, bà Trương Thị Cẩm H được mời đến UBND xã B với lý do: Bàn giao mặt bằng thuộc công trình Nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh. Bà Trương Thị Cẩm H nhận được thông báo bằng miệng của bà Phạm Thị Lệ H (Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh B) là nhà bà Trương Thị Cẩm H được bồi thường và hỗ trợ tổng cộng 4.200.000 đồng. Bà Trương Thị Cẩm H không đồng ý với mức bồi thường trên nên không đồng ý ký vào biên bản.

Ngày 26/4/2016 và ngày 26/6/2016, gia đình bà Trương Thị Cẩm H có làm đơn kiến nghị khẩn thiết đến Chủ tịch UBND huyện B và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh B, yêu cầu giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 29/02/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4082/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND huyện B về việc bồi thường hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ gia đình bà Trương Thị Cẩm H, với lý do: Điều chỉnh hộ bà Trương Thị Cẩm H ra khỏi phạm vi giải tỏa công trình. Trước đó, bà Trương Thị Cẩm H không nhận được Quyết định 767, tuy nhiên, đến nay, đội thi công dự án đã hoàn tất việc thi công trên phần đất của gia đình bà Trương Thị Cẩm H nhưng bà Trương Thị Cẩm H chưa nhận được bất cứ khoản tiền bồi thường nào.

Nhận thấy hành vi của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a khu vực từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh mà không bồi thường cho bà Trương Thị Cẩm H là gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Cẩm H. Do đó, bà Trương Thị Cẩm H làm đơn tố cáo đến Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh B, đồng thời yêu cầu UBND huyện B thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho bà Trương Thị Cẩm H theo quy định pháp luật.

Ngày 21/02/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Thông báo số 51/TB-UBND về kết quả giải quyết tố cáo của bà Trương Thị Cẩm H, nội dung tố cáo của bà Trương Thị Cẩm H là không có căn cứ. Sau đó, bà Trương Thị Cẩm H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 20/6/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B tổ chức buổi làm việc về việc công bố và bàn giao Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B cho bà Trương Thị Cẩm H nhưng bà Trương Thị Cẩm H không nhận. Theo nội dung quyết định, UBND huyện B bồi thường cho bà Trương Thị Cẩm H tổng số tiền 22.924.000 đồng, bao gồm: Hỗ trợ ổn định đời sống: 18.000.000 đồng; bồi thường công trình phụ: 4.104.000 đồng; hỗ trợ chi phí sửa chữa: 820.000 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, bà Trương Thị Cẩm H khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 16/9/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2736/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương

Thị Cẩm H, nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B.

Lý do bà Trương Thị Cẩm H không đồng ý với các quyết định trên, vì:

Thứ nhất, UBND huyện B chỉ bồi thường cho gia đình bà Trương Thị Cẩm H tổng số tiền 22.924.800 đồng là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình bà Trương Thị Cẩm H.

Trên thực tế, khi thực hiện dự án nâng cấp đường ĐT 747a thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B đã thu hồi của bà Trương Thị Cẩm H 130m² đất (dài 11m, rộng 12m) và các tài sản trên phần đất này của gia đình bà Trương Thị Cẩm H. Điều này được UBND huyện B thừa nhận tại Thông báo số 51/TB-UBND ngày 21/02/2019. Do đó, gia đình bà Trương Thị Cẩm H phải được bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất đã thu hồi là 130m².

Căn cứ Bảng áp giá về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (dự thảo) đối với hộ ông Nguyễn Văn T thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B bồi thường, hỗ trợ đối với đất trồng cây lâu năm (khu vực 1, vị trí 1) là 2.662.000 đồng/m²; trong khi đó phần đất 130m² mà gia đình bà Trương Thị Cẩm H bị thu hồi là đất thổ cư thuộc khu vực 1, vị trí 1 nhưng UBND huyện B không bồi thường cho gia đình bà Trương Thị Cẩm H. Do đó, đề nghị UBND huyện B phải bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 130m² đất thổ cư của bà Trương Thị Cẩm H bị thu hồi với đơn giá 15.000.000 đồng/m² x 130m² = 1.950.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B không đề cập đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình bà Trương Thị Cẩm H mà chỉ bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền 22.924.800 đồng là không đúng quy định của pháp luật về bồi thường khi thu hồi đất.

Thứ hai: Tại Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B có nêu: Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản gắn liền với đất của hộ bà Trương Thị Cẩm H gồm có: Mái che tole và xi măng có diện tích rộng 10,8m². Tuy nhiên, trên thực tế mái che tôn bị tháo dỡ có diện tích 12,96m² (dài 10,8m x rộng 1,2m).

Mặt khác, tại Quyết định số 2736 chỉ nêu việc bồi thường mái che tole và xi măng mà không đề cập đến việc bồi thường “nền sân đá kẹp đất” cho bà Trương Thị Cẩm H là không đúng. Theo quy định về đơn giá bồi thường ban hành kèm theo Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh B thì đơn giá bồi thường đối với sân đá kẹp đất là 85.000 đồng/m². Phần sân đá kẹp đất của gia đình bà Trương Thị Cẩm H nằm trong phạm vi giải tỏa công trình có diện tích 48m² (rộng 4m x dài 12m). Do đó, bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường diện tích sân đá kẹp đất của bà Trương Thị Cẩm H là 48m² x 85.000 đồng/m² = 4.080.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở.

Mức bồi thường về tài sản mà UBND huyện B đưa ra là 4.924.800 đồng là không đúng và không đủ để bà Trương Thị Cẩm H thay mới phần mái tôn nhà

và san lấp mặt bằng nâng nền để phục vụ cho việc buôn bán tạo kinh tế của gia đình bà Trương Thị Cẩm H.

Do đó, bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu bồi thường tài sản trên đất cụ thể như sau:

+ Mái che tole nền bê tông: $380.000 \text{ đồng/m}^2 \times 12,96\text{m}^2 = 4.924.800 \text{ đồng};$

+ Sân đá kẹp đất: $48\text{m}^2 \times 85.000 \text{ đồng/m}^2 = 4.080.000 \text{ đồng};$

+ Hỗ trợ khối lượng cát san lấp: $136.000 \text{ đồng/m}^2 \times 48\text{m}^2 = 6.528.000 \text{ đồng};$

+ Chi phí sửa chữa là 20% giá trị công trình bị tháo dỡ là mái tole và sân đá kẹp đất: $20\% \times 4.924.800 \text{ đồng} + 20\% \times 1.762.560 \text{ đồng} = 1.337.472 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền bồi thường về tài sản trên đất là 16.870.272 đồng.

Thứ ba: Đối với khoản tiền hỗ trợ khác (hỗ trợ ổn định đời sống) là 18.000.000 đồng. Việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất của bà Trương Thị Cẩm H kéo dài từ năm 2016 đến nay vẫn chưa thỏa đáng, hành vi chậm trễ trong việc bồi thường của UBND huyện B là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình bà Trương Thị Cẩm H. Vi dự án làm đường này ảnh hưởng đến gia đình bà Trương Thị Cẩm H từ năm 2015 đến nay nên yêu cầu UBND huyện B hỗ trợ ổn định đời sống từ tháng 3/2015 đến tháng 9/2015 (55 tháng) với mức $1.000.000 \text{ đồng/tháng/người}$, cụ thể: $55 \text{ tháng} \times 3 \text{ người} \times 1.000.000 \text{ đồng/tháng/người} = 165.000.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền bồi thường tài sản trên đất và hỗ trợ ổn định đời sống là $16.870.272 \text{ đồng} + 165.000.000 \text{ đồng} = 181.870.272 \text{ đồng}.$

Như vậy, việc UBND huyện B lấy đất của gia đình bà Trương Thị Cẩm H để thực hiện dự án nâng cấp đường ĐT 747a nhưng không có quyết định thu hồi đất, không có quyết định bồi thường đất và không bồi thường đất cho gia đình bà Trương Thị Cẩm H là không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Trương Thị Cẩm H, vì: Trên thực tế khi thu hồi đất đã thu hồi của gia đình bà Trương Thị Cẩm H diện tích 130m^2 đất thổ cư, trên đất có gắn liền tài sản khác. Vì vậy, bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B bồi thường đất và tài sản trên đất là có cơ sở. Đồng thời, việc hỗ trợ ổn định cuộc sống cho gia đình bà Trương Thị Cẩm H là chưa hợp lý. Vì vậy, bà Trương Thị Cẩm H chưa nhận tiền đền bù. Từ trước đến nay bà Trương Thị Cẩm H cũng chưa nhận bất kỳ khoản tiền bồi thường, hỗ trợ nào đối với công trình này.

Vì vậy, bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H.

- Hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch

UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H.

- Buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần đất có diện tích 130m^2 với số tiền: $15.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 130\text{m}^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng. Tổng số tiền bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B bồi thường là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

*** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B và UBND huyện B trình bày:**

- Đối với Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 23/6/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H:

Ngày 16/3/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B lập Biên bản kiểm kê đất đai và các tài sản gắn liền với đất của hộ bà Trương Thị Cẩm H. Tài sản kiểm kê bao gồm: Mái che tole, nền xi măng có diện tích $10,8\text{m}^2$.

Ngày 21/3/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B ban hành Bảng áp giá số 37/CNTPPTQĐ-KT đối với số tài sản được kiểm kê của bà Trương Thị Cẩm H, với tổng giá trị là 4.924.800 đồng.

Ngày 01/02/2019, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 553/UBND-KTN về việc xử lý vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh). Chủ tịch UBND tỉnh B có ý kiến như sau:

“1. Không xem xét bồi thường về đất đối với trường hợp thuộc dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (phạm vi từ tìm đường ra mỗi bên 11m).

2. Giao UBND huyện B chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xem xét, tính toán mức hỗ trợ khác cho hộ bà Trương Thị Cẩm H, để đảm bảo cho hộ dân ổn định đời sống, đề xuất UBND huyện quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế...”

Ngày 21/02/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Kết luận số 339/KL-UBND, kết luận nội dung tố cáo đối với Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B. Chủ tịch UBND huyện B yêu cầu: *“Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đường ĐT 747a xem xét, tính toán, đề xuất UBND huyện quyết định mức hỗ trợ khác phù hợp với tình hình thực tế cho hộ bà Trương Thị Cẩm H...”*.

Ngày 08/4/2019, UBND huyện B ban hành Thông báo số 136/TB-UBND, thông báo ý kiến kết luận của bà Trần Thị Minh H - Phó Chủ tịch UBND huyện B tại cuộc họp nghe Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B báo cáo đề xuất mức hỗ trợ khác cho hộ bà Trương Thị Cẩm H để đảm bảo ổn định đời sống. Qua biểu quyết, 100% thành viên dự họp thống nhất với mức bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trương Thị Cẩm H, với tổng số tiền 22.924.000 đồng, bao gồm:

- + Hỗ trợ ổn định đời sống: 18.000.000 đồng.
- + Bồi thường công trình phụ: 4.104.000 đồng.
- + Hỗ trợ chi phí sửa chữa: 820.000 đồng.

Ngày 25/4/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1223/QĐ-UBND, phê duyệt mức hỗ trợ khác cho hộ bà Trương Thị Cẩm H nhằm đảm bảo ổn định đời sống khi thực hiện công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (*đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh*), với số tiền 18.000.000 đồng.

Ngày 23/6/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 22.924.800 đồng. Trong đó:

- + Hỗ trợ ổn định đời sống là 18.000.000 đồng.
- + Bồi thường công trình phụ: 4.104.000 đồng.
- + Hỗ trợ chi phí sửa chữa: 820.000 đồng.

Tại điểm 8.5 khoản 8 Điều 8 của Quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B, được ban hành kèm theo Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh B (Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND), quy định đơn giá bồi thường đối với: “*Mái che tole nền láng vừa xi măng*”, là 380.000đồng/m².

Tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND, quy định: “*Nhà, công trình chỉ tháo dỡ một phần, nếu phần diện tích còn lại sử dụng được thì được tính bồi thường phần công trình bị phá dỡ theo quy định và được trợ cấp sửa chữa thêm 20% giá trị công trình đã bị tháo dỡ*”.

Do đó, UBND huyện B xác định giá trị bồi thường đối với phần “*Mái che tole nền xi măng*” có diện tích 10,8m², theo đơn giá 380.000 đồng/m² và hỗ trợ chi phí sửa chữa với đơn giá 76.000 đồng/m², với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ 4.924.800 đồng, là đúng quy định.

Đối với việc hỗ trợ khác: Qua khảo sát thực tế, bà Trương Thị Cẩm H có buôn bán nước giải khát nên UBND huyện B vận dụng chế độ hỗ trợ khác cho hộ bà Trương Thị Cẩm H với số tiền 3.000.000/tháng x 6 tháng = 18.000.000 đồng, là đúng theo mức đề xuất của Hội đồng bồi thường và chủ trương của UBND tỉnh B tại Văn bản số 553/UBND-KTN.

Đối với việc bồi thường về đất: Công trình nâng cấp đường ĐT 747a được thực hiện từ năm 1998-1999. Đối với công trình này, chủ trương của UBND tỉnh B từ trước đến nay là không bồi thường đối với diện tích đất trong phạm vi từ tim đường vào 11m (đối với tất cả các loại đất). Do chủ trương của tỉnh là không bồi thường về đất nên không có quyết định thu hồi đất, không có quyết định bồi thường đất, không tiến hành đo đạc diện tích đất cụ thể của bà Trương Thị Cẩm H bao nhiêu, chỉ căn cứ vào mốc do chủ đầu tư đã xác định để thực hiện. Vì vậy, chỉ bồi thường tài sản trên đất.

UBND huyện B không bồi thường về đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H là đúng theo chủ trương của UBND tỉnh, tại Văn bản 1793/UBND-KTN ngày 06/6/2014; Văn bản số 4266/UBND-KTN ngày 04/12/2014 và Văn bản số 553/UBND-KTN.

Đối với trường hợp ông Nguyễn Văn T: Đất trong phạm vi từ tìm đường vào 11m không bồi thường, chỉ bồi thường ngoài phạm vi 11m.

- *Đối với Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B:* Căn cứ Đơn khiếu nại đề ngày 28/6/2019 của bà Trương Thị Cẩm H, ngày 06/9/2019 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2736/QĐ-UBND, về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H, địa chỉ: Số x, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh B đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Như vậy, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 23/6/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ 22.924.800 đồng và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H, là đúng quy định. Bà Trương Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND và Quyết định số 2736/QĐ-UBND, yêu cầu bồi thường hỗ trợ 130m² đất, với đơn giá 15.000.000 đồng/m² là không có cơ sở.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh C và bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:** Ông Huỳnh Thanh C và bà Huỳnh Thị Ngọc T là con ruột của bà Trương Thị Cẩm H, cùng sinh sống tại căn nhà thuộc một phần diện tích 478m² thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại số x, tổ y, ấp M, xã B, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 340158, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01185/QSĐĐ/TU do UBND huyện T cấp ngày 14/7/2000. Ông C và bà T thống nhất ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần đất có diện tích 130m² với số tiền: 15.000.000 đồng/m² x 130m² = 1.950.000.000 đồng; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng. Tổng số tiền bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B bồi thường là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H: Hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H; hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/9/2019, bà Trương Thị Cẩm H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Ngày 11/02/2020, bà Trương Thị Cẩm H có đơn bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H; hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H; buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần đất có diện tích $130m^2$ với số tiền: $15.000.000 \text{ đồng}/m^2 \times 130m^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng. Tổng số tiền bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B bồi thường là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Căn cứ Điều 116, Điều 118 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H còn trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H; Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng: Ngày 10/01/2020, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B và UBND huyện B có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị Minh H - Phó Chủ tịch UBND huyện B làm đại diện của người bị kiện tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tháng 12/2020, bà Trần Thị Minh H có quyết định thôi giữ chức Phó Chủ tịch UBND huyện B và được điều động đến nhận công tác tại Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Do đó, bà Trần Thị Minh H không còn là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Đồng thời, người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B không có văn bản ủy quyền mới thay thế. Tại phiên tòa,

người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về cơ sở pháp lý, quá trình thực hiện công trình:

[4.1.1] Ngày 15/02/2012, UBND tỉnh B có Văn bản số 334/UBND-KTTH về việc chấp thuận chủ trương nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh.

[4.1.2] Trên cơ sở đó, ngày 07/3/2013, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 557/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh.

[4.1.3] Ngày 20/11/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2434/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất thực hiện công trình: Nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh) (trong danh sách kèm theo quyết định không có bà Trương Thị Cẩm H).

[4.1.4] Ngày 16/3/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B lập Biên bản kiểm kê số 37/BBKK đối với bà Trương Thị Cẩm H, nội dung kiểm kê có phần mái che tole diện tích 10,8m² (rộng 0.9m x dài 1,2m) xây dựng năm 1996, trong đó có phần ghi chú: Mái che tole nền xi măng. Tại phần đại diện hộ dân có thể hiện: Bà Trương Thị Cẩm H không đồng ý ký tên.

[4.1.5] Ngày 21/3/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B lập Bảng áp giá số 37/CNTTPTQĐ-KT đối với bà Trương Thị Cẩm H; trong đó: Mái che tole diện tích 10,8m² có đơn giá 380.000 đồng/m², thành tiền 4.104.000 đồng. Tại Bảng áp giá không thể hiện phần diện tích nền xi măng, cũng không có ý kiến và chữ ký của bà Trương Thị Cẩm H.

[4.1.6] Ngày 25/4/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1223/QĐ-UBND về việc phê duyệt mức hỗ trợ khác cho bà Trương Thị Cẩm H, cụ thể hỗ trợ kinh phí ổn định đời sống với số tiền là 18.000.000 đồng.

[4.1.7] Ngày 10/6/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1693/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 20/11/2015, kèm theo là bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ (điều chỉnh, bổ sung) đối với hộ bà Trương Thị Cẩm H là 22.924.800 đồng, trong đó: Bồi thường công trình phụ: 4.104.000 đồng; hỗ trợ chi phí sửa chữa: 820.800 đồng; hỗ trợ khác 18.000.000 đồng.

[4.1.8] Ngày 13/6/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 22.924.800 đồng, bao gồm: Bồi thường công trình phụ: 4.104.000 đồng; hỗ trợ chi phí sửa chữa: 820.800 đồng; hỗ trợ khác 18.000.000 đồng.

[4.1.9] Không đồng ý với quyết định này, bà Trương Thị Cẩm H khiếu nại. Ngày 06/9/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2736/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H, nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H.

[4.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B:

[4.2.1] Xét trình tự thủ tục thu hồi đất:

Tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.”*

Tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất.*

Thông báo thu hồi đất được gửi đến từng người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi”.

Tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”*.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 340158, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01185/QSDĐ/TU do UBND huyện T cấp ngày 14/7/2000 cho ông Huỳnh Văn N (chồng bà Trương Thị Cẩm H), cập nhật biến động sang tên bà Trương Thị Cẩm H ngày 28/01/2005, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại số x, tổ y, ấp M, xã B, huyện B, thể hiện: Diện tích 478m² (400m² đất thổ cư và 78m² đất vườn), chưa trừ diện tích lộ giới. Khi thực hiện công trình Nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a, UBND huyện B không điều tra, khảo sát, đo đạc phần diện tích đất bị thu hồi, không xác định được diện tích bị thu hồi, không ban hành Thông báo thu hồi đất, không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với bà Trương Thị Cẩm H là không đúng quy định pháp luật. Do đó, không xác định được phần đất bà Trương Thị Cẩm H bị giải tỏa để thực hiện công trình có diện tích bao nhiêu, trong đó có bao nhiêu m² đất vườn, bao nhiêu m² đất thổ cư, và bao nhiêu m² đất hành lang bảo vệ đường bộ.

[4.2.2] Đối với việc bồi thường về đất:

Tại khoản 1 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường”*. Tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi

đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Tại Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định:

“1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ)...

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, Chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai”.

Đối chiếu với trường hợp bà Trương Thị Cẩm H, nhận thấy:

Phần đất của bà Trương Thị Cẩm H đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thể hiện: chưa trừ hành lang lộ giới. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đến nay, chưa có điều chỉnh biến động về phần diện tích. Theo các quy định trên, bà khi tiến hành thực hiện dự án nâng cấp và mở rộng đường ĐT 747a, UBND huyện B không xác định được diện tích đất thu hồi (trong đó diện tích đất ở, đất nông nghiệp là bao nhiêu m²), không thu hồi đất, không bồi thường đối với phần diện tích đất thu hồi là chưa đúng quy định pháp luật.

[4.2.3] Đối với việc bồi thường về tài sản trên đất:

Tại Biên bản kiểm kê số 37/BBKK đối với bà Trương Thị Cẩm H, thể hiện: Mái che tole diện tích 10,8m² (rộng 0.9m x dài 1,2m) xây dựng năm 1996, trong đó có phần ghi chú: Mái che tole nền xi măng. Tuy nhiên, tại Bảng áp giá số 37/CNTPPTQĐ-KT ngày 21/3/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B không áp giá bồi thường đối với phần diện tích nền xi măng. Như vậy, việc UBND huyện B không xem xét bồi thường nền xi măng cho bà Trương Thị Cẩm H là không đúng quy định tại Điều 88, 89 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B không đúng quy định pháp luật.

[4.2.4] Bà Trương Thị Cẩm H đã được UBND huyện T (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện được bồi thường về đất. Quá trình thực hiện dự án, UBND huyện B không xác định được diện tích

đất hành lang bảo vệ đường bộ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị Cẩm H là bao nhiêu, diện tích không thuộc hành lang bảo vệ đường bộ là bao nhiêu nên không ban hành quyết định thu hồi đất, không xem xét bồi thường hỗ trợ đất cho bà Trương Thị Cẩm H là trái quy định pháp luật.

Tại Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019, Chủ tịch UBND huyện B không viện dẫn và áp dụng các quy định của Luật Đất đai, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mà chỉ căn cứ Văn bản số 553/UBND-KTN ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh B để cho rằng việc không bồi thường về đất cho bà Trương Thị Cẩm H là đúng theo chủ trương của UBND tỉnh, đồng thời giữ nguyên Quyết định số 1723/QĐ-UBND là trái quy định pháp luật.

[4.3] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần đất có diện tích 130m^2 với số tiền: $15.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 130\text{m}^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng. Tổng số tiền bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B bồi thường là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng):

Tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử: *“Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật...”*. Do đó, yêu cầu buộc UBND huyện B bồi thường số tiền là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: $15.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 130\text{m}^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng của bà Trương Thị Cẩm H không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Số tiền bồi thường, hỗ trợ cụ thể đối với bà Trương Thị Cẩm H sẽ được UBND huyện B giải quyết theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chỉ tuyên buộc Chủ tịch UBND huyện B, UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H: Hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H; hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H; buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện B bồi thường số tiền là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: $15.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 130\text{m}^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng của bà Trương Thị Cẩm H.

[5] Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đối với nhận định: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần đất có diện tích 130m^2 với số tiền: $15.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 130\text{m}^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng. Tổng số tiền bà Trương Thị Cẩm H yêu cầu UBND huyện B bồi thường là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H: Hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H; hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận, người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 6; 30; 32; 55; 98; 115; 116; 134; điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện B bồi thường số tiền là 2.131.870.272 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất $15.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 130\text{m}^2 = 1.950.000.000 \text{ đồng}$; bồi thường tài sản trên đất, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 181.870.272 đồng của bà Trương Thị Cẩm H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm H:

- Hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Trương Thị Cẩm H;
- Hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch

UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Cẩm H;

- Buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Cẩm H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án theo Biên lai thu số AA/2016/00027152 ngày 05/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - Các đương sự | 05; |
| - VKSND tỉnh Bình Dương | 01; |
| - Cục THADS tỉnh Bình Dương | 01; |
| - Lưu: HSVA, Tổ HCTP | 03. |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Luật